

PERCEPTION OF THE NURSING IMAGE AMONG NURSING STUDENTS AT PHAM NGOC THACH UNIVERSITY OF MEDICINE

Phan Hoang Trong¹, Dang Tran Ngoc Thanh¹, Pham Vu Anh Nguyet¹, Ha Thi Nhu Xuan², Ha Thuan Quy²,
Nguyen Thi My Linh^{1*}

¹Pham Ngoc Thach University of Medicine - 2 Duong Quang Trung, Hoa Hung ward, Ho Chi Minh city, Vietnam

²University of Medicine and Pharmacy at Ho Chi Minh city - 217 Hong Bang, Cho Lon ward, Ho Chi Minh city, Vietnam

Received: 16/04/2026

Revised: 10/05/2026; Accepted: 25/06/2026

ABSTRACT

Objective: To determine the proportion of positive perceptions of nursing image and identify factors related to the perception of nursing image among nursing students at Pham Ngoc Thach University of Medicine.

Subjects and methods: A cross-sectional study was conducted on 408 first- to fourth-year nursing students at Pham Ngoc Thach University of Medicine.

Results: The rate of positive perception towards the nursing profession among students was 96,81%, with a mean perception score of $162,38 \pm 15,89$ points. Factors associated with students' perception of the nursing profession included: academic year, in which third- and fourth-year students had significantly higher perceptions ($p < 0,001$); a good initial impression, with a mean perception score of 170,18 points ($p < 0,001$); and good adaptability, with the highest mean perception score of 172,58 points ($p < 0,001$). No significant association was found between gender and students' level of perception ($p > 0,05$).

Conclusion: The study recorded a very high rate of positive perception towards the nursing profession among students. Therefore, it is necessary to continue maintaining career orientation, as well as enhancing soft skills training and psychological support to help students adapt well to the academic and clinical environment right from the early years of the program.

Keywords: Perception, nursing image, initial impression, adaptability.

*Corresponding author

Email: nguyenthimylinh@pnt.edu.vn Phone: (+84) 969359931 DOI: 10.52163/yhc.v67iCD8.5726

NHẬN THỨC VỀ HÌNH ẢNH ĐIỀU DƯỠNG CỦA SINH VIÊN NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH

Phan Hoàng Trọng¹, Đặng Trần Ngọc Thanh¹, Phạm Vũ Ánh Nguyệt¹, Hà Thị Như Xuân², Hà Thuần Quy², Nguyễn Thị Mỹ Linh^{1*}

¹Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch - 2 Đường Quang Trung, phường Hòa Hưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

²Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh - 217 Hồng Bàng, phường Chợ Lớn, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày nhận bài: 16/04/2026

Ngày chỉnh sửa: 10/05/2026; Ngày duyệt đăng: 25/06/2026

TÓM TẮT

Mục tiêu: Xác định tỷ lệ nhận thức tích cực về hình ảnh điều dưỡng, xác định các yếu tố liên quan đến nhận thức về hình ảnh điều dưỡng của sinh viên ngành điều dưỡng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch.

Đối tượng và phương pháp: Nghiên cứu cắt ngang được tiến hành trên 408 sinh viên từ năm 1 đến năm 4 đang theo học ngành điều dưỡng tại Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch.

Kết quả: Tỷ lệ nhận thức tích cực đối với ngành điều dưỡng ở sinh viên là 96,81% với điểm nhận thức trung bình đạt $162,38 \pm 15,89$ điểm. Các yếu tố liên quan đến nhận thức của sinh viên đối với ngành điều dưỡng bao gồm: năm học, trong đó sinh viên năm 3 và năm 4 có nhận thức cao hơn rõ rệt ($p < 0,001$); ấn tượng ban đầu tốt với điểm nhận thức trung bình đạt 170,18 điểm ($p < 0,001$); khả năng thích nghi tốt với điểm nhận thức trung bình cao nhất là 172,58 điểm ($p < 0,001$). Không tìm thấy mối liên quan giữa giới tính và mức độ nhận thức của sinh viên ($p > 0,05$).

Kết luận: Nghiên cứu ghi nhận tỷ lệ nhận thức tích cực ở sinh viên đối với ngành điều dưỡng là rất cao, do đó cần tiếp tục duy trì công tác định hướng nghề nghiệp, cũng như tăng cường rèn luyện kỹ năng mềm và hỗ trợ tâm lý để giúp sinh viên thích nghi tốt với môi trường học tập và lâm sàng ngay từ những năm đầu khóa học.

Từ khóa: Nhận thức, hình ảnh điều dưỡng, ấn tượng ban đầu, khả năng thích nghi.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Điều dưỡng là lực lượng nòng cốt, đóng vai trò không thể thiếu trong chăm sóc, cải thiện chất lượng cuộc sống cho người bệnh, chiếm 59% lực lượng chăm sóc sức khỏe trên toàn cầu và tại Việt Nam chiếm từ 60-70% so với nguồn nhân lực ngành y tế trong các cơ sở khám chữa bệnh hiện nay [1], [9].

Hình ảnh điều dưỡng (ĐD) được định nghĩa là cách nghề nghiệp ĐD xuất hiện trong hình dung của người khác hoặc ấn tượng mà nó để lại, là tập hợp những niềm tin, quan điểm và sự quan sát về người ĐD và nghề nghiệp của họ [10]. Hình ảnh nghề nghiệp không chỉ quyết định cơ hội phát triển, vị thế của ngành mà còn tác động trực tiếp đến sự tự tin, động lực làm việc và chất lượng chăm sóc của chính người ĐD. Một hình ảnh tiêu cực hoặc sai lệch có thể đe dọa trực tiếp đến sự an toàn của dịch vụ y tế và mức độ hài lòng với công việc của nhân viên y tế [8].

Tại Việt Nam, sau dịch bệnh COVID-19 có thể thấy rằng hình ảnh ĐD được xuất hiện nhiều hơn trên truyền thông và được biết đến một cách tích cực hơn. Bên cạnh đó, nước ta đang trong quá trình già hóa, do đó nhu cầu về

các dịch vụ chăm sóc tại nhà hoặc các cơ sở y tế đang tăng lên một cách rõ rệt. Dù rằng hệ thống ĐD tại Việt Nam có nhiều thay đổi và đang từng bước chuyển mình, tuy nhiên có rất ít tài liệu tìm hiểu cho thấy hình ảnh của người ĐD đang được nhìn nhận như thế nào.

Một số nghiên cứu về hình ảnh ĐD trên thế giới cho thấy, các phương tiện truyền thông miêu tả các nhân viên y tế sẽ chia thành hai nhóm, đối với các bác sĩ là người có thẩm quyền và uy tín, còn những nhân viên y tế khác sẽ thường được nhắc đến như hỗ trợ, chỉ thực hiện y lệnh, còn phụ thuộc vào bác sĩ và thiếu tính độc lập. Ngoài ra, phần lớn sinh viên chọn nghề ĐD vì muốn có cơ hội đảm bảo việc làm, tuy nhiên điều đáng chú ý là đa số sinh viên coi ĐD là nghề bị đánh giá thấp. Những quan điểm và hình ảnh nghề nghiệp tiêu cực có thể làm nản lòng thế hệ trẻ lựa chọn nghề ĐD.

Sinh viên chính là nguồn lực tiềm năng để xây dựng và phát triển ngành nghề ĐD trong tương lai, chính vì vậy việc tìm hiểu về hình ảnh ĐD của sinh viên là vấn đề cần thiết để kịp thời đưa ra hướng xây dựng hình ảnh nghề nghiệp một

*Tác giả liên hệ

Email: nguyenthimylinh@pnt.edu.vn Điện thoại: (+84) 969359931 DOI: 10.52163/yhc.v67iCD8.5726

cách phù hợp nhằm đóng góp vào sự thúc đẩy ngành ĐD có những bước tiến xa hơn trong tương lai. Tuy nhiên, tại Việt Nam hiện chưa có nghiên cứu chuyên sâu nào đánh giá về vấn đề này. Nghiên cứu này được thực hiện với mong muốn cung cấp những bằng chứng về nhận thức của sinh viên nhằm có những chiến lược tác động vào nhận thức nghề nghiệp của sinh viên ĐD trong quá trình giáo dục.

2. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu cắt ngang.

2.2. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Nghiên cứu thực hiện từ tháng 7/2025 đến tháng 3/2026 tại Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch.

2.3. Đối tượng nghiên cứu

Sinh viên từ năm 1 đến năm 4 đang theo học ngành ĐD tại Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch.

- Tiêu chuẩn lựa chọn: sinh đồng ý tham gia nghiên cứu.
- Tiêu chuẩn loại trừ: sinh viên trả lời bảng câu hỏi không đầy đủ, sinh viên chỉ trả lời 1 đáp án cho tất cả các câu hỏi.

2.4. Cỡ mẫu, chọn mẫu

Lấy mẫu ngẫu nhiên phân tầng theo năm học. Cỡ mẫu nghiên cứu 408 sinh viên.

2.5. Các thông số đánh giá

- Biến số phụ thuộc: nhận thức về hình ảnh ĐD của sinh viên.
- Biến số độc lập: giới tính, năm học, tôn giáo, ấn tượng về hình ảnh ĐD, khả năng thích nghi hoàn cảnh, yếu tố ảnh hưởng nhận thức về hình ảnh ĐD.

2.6. Công cụ thu thập số liệu

Sử dụng bộ câu hỏi nhận thức về hình ảnh ĐD của Dolly và cộng sự đã được sử dụng trong một nghiên cứu về hình ảnh ĐD tại Bihar, Ấn Độ đầu năm 2022 [4]. Bộ câu hỏi nguyên gốc bằng tiếng Anh được dịch sang tiếng Việt bằng quá trình dịch xuôi, dịch ngược, bao gồm:

- Phần A (bộ câu hỏi về nhân khẩu học - xã hội học): gồm 6 câu là giới tính, năm học, tôn giáo, ấn tượng với ĐD, khả năng thích nghi hoàn cảnh, yếu tố liên quan đến hình ảnh ĐD.

- Phần B (thang đo hình ảnh ĐD): sử dụng bộ câu hỏi của Dolly và cộng sự [4]. Bộ câu hỏi gốc gồm 40 mục, tính hợp lệ được đo trên thang điểm 5, trong đó 1 là hoàn toàn không đồng ý, 2 là không đồng ý, 3 là trung lập, 4 là đồng ý, 5 là hoàn toàn đồng ý. Hình ảnh tiêu cực có điểm từ 40-119, hình ảnh tích cực từ 120-200 điểm. Bộ câu hỏi nghiên cứu được hiệu chỉnh và bổ sung thành 41 câu hỏi để đảm bảo tính phù hợp với bối cảnh nghiên cứu trên sinh viên ĐD tại Việt Nam. Việc hiệu chỉnh này đồng thời góp phần nâng cao độ giá trị nội dung và khả năng áp dụng thực tiễn của công cụ trong môi trường nghiên cứu trong nước.

Sau khi hiệu chỉnh thang đo từ 40 lên 41 câu hỏi, với mỗi câu được đánh giá theo thang Likert 5 mức độ, tổng điểm của thang đo dao động từ 41-205. Trong thang đo gốc, điểm từ 40-119 được phân loại là nhận thức tiêu cực, và từ 120-200 là nhận thức tích cực. Điều này tương ứng với tỷ lệ phân cách ở mức 60% tổng điểm tối đa

(tức $120/200 = 0,6$). Để đảm bảo tính tương thích với thang đo mới, nghiên cứu này giữ nguyên ngưỡng phân loại theo tỷ lệ tương đối, nghĩa là áp dụng mốc phân loại tại mức 60% của tổng điểm tối đa 205 điểm. Theo đó: từ 41-122 điểm được phân loại là nhận thức tiêu cực về hình ảnh ĐD, từ 123-205 điểm được phân loại là nhận thức tích cực về hình ảnh ĐD.

Bộ câu hỏi được phỏng vấn thử trên đối tượng nghiên cứu 30 sinh viên, hệ số Cronbach's Alpha = 0,864.

2.7. Xử lý và phân tích số liệu

Sử dụng phép kiểm t-test, phép kiểm ANOVA để phân tích dữ liệu. Trong trường hợp ANOVA cho kết quả có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$), nghiên cứu tiếp tục áp dụng phép kiểm hậu Tukey HSD để xác định cặp nhóm có sự khác biệt. Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê khi $p < 0,05$.

2.8. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu đã được chấp thuận bởi Hội đồng Đạo đức Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch.

Người tham gia nghiên cứu được giải thích rõ ràng về mục đích nghiên cứu, tự nguyện tham gia nghiên cứu, ký tên vào văn bản đồng thuận và có thể từ chối hoặc dừng nghiên cứu bất cứ lúc nào. Tất cả thông tin thu thập từ nghiên cứu sẽ được bảo mật và chỉ phục vụ cho công tác nghiên cứu.

Đây không phải là nghiên cứu can thiệp nên không xâm lấn đến cơ thể và sức khỏe của đối tượng tham gia nghiên cứu.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu (n = 408)

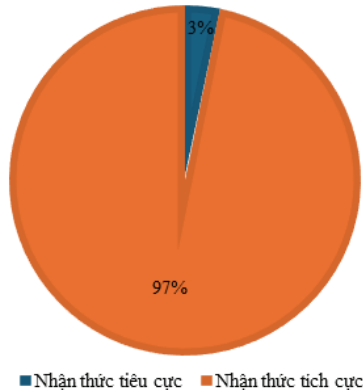
Đặc điểm	Phân loại	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nữ	347	85,05
	Nam	61	14,95
Năm học	Năm 1	132	32,35
	Năm 2	105	25,74
	Năm 3	90	22,06
	Năm 4	81	19,85
Tôn giáo	Không	255	62,51%
	Phật giáo	81	19,85
	Thiên chúa	64	15,69
	Khác	8	1,6

Bảng 2. Các yếu tố liên quan đến nhận thức về hình ảnh ĐD (n = 408)

Yếu tố	Nhóm so sánh	$\bar{X} \pm SD$ (điểm)	p
Giới tính	Nam	163,74 $\pm$ 12,87	410*
	Nữ	162,14 $\pm$ 16,36	
Năm học	Năm 1	158,05 $\pm$ 17,51	< 0,001**
	Năm 2	161,46 $\pm$ 14,11	
	Năm 3	165,73 $\pm$ 14,53	
	Năm 4	166,86 $\pm$ 15,39	

Yếu tố	Nhóm so sánh	$\bar{X} \pm SD$ (điểm)	p
Ấn tượng	Tốt	170,18 $\pm$ 13,04	< 0,001**
	Chưa có	155,60 $\pm$ 14,77	
	Không tốt	152,73 $\pm$ 14,36	
Thích nghi	Tốt	172,58 $\pm$ 13,62	< 0,001**
	Vừa phải	157,65 $\pm$ 14,15	
	Khó thích nghi	140,20 $\pm$ 11,23	

Ghi chú: *Kiểm định Independent Samples T-test; **Kiểm định ANOVA.



Biểu đồ 1. Tỷ lệ nhận thức về hình ảnh ĐD

Bảng 3. So sánh sự khác biệt giữa các phân nhóm của năm học (n = 408)

Năm học	Số lượng (n)	$\bar{X} \pm SD$ (điểm)	Phân nhóm (Tukey)
Năm 1	132	158,05 $\pm$ 17,51	a
Năm 2	105	161,46 $\pm$ 14,11	ab
Năm 3	90	165,73 $\pm$ 14,53	b
Năm 4	81	166,86 $\pm$ 15,39	b

Ghi chú: Kiểm định Tukey HSD (F = 8,169; p < 0,001).

Bảng 4. So sánh sự khác biệt giữa các phân nhóm của ấn tượng về ĐD (n = 408)

Ấn tượng ban đầu	Số lượng (n)	$\bar{X} \pm SD$ (điểm)	Phân nhóm (Tukey)
Không tốt	37	152,73 $\pm$ 14,36	a
Chưa có ấn tượng	174	155,60 $\pm$ 14,77	a
Tốt	197	170,18 $\pm$ 13,04	b

Ghi chú: Kiểm định Tukey HSD (F = 46,121; p < 0,001).

Bảng 5. So sánh sự khác biệt giữa các phân nhóm của sự thích nghi (n = 408)

Khả năng thích nghi	Số lượng (n)	$\bar{X} \pm SD$ (điểm)	Phân nhóm (Tukey)
Khó thích nghi	10	140,20 $\pm$ 11,23	a
Vừa phải	257	157,65 $\pm$ 14,15	b
Tốt	141	172,58 $\pm$ 13,62	c

Ghi chú: Kiểm định Tukey HSD (F = 62,145; p < 0,001).

4. BÀN LUẬN

4.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, phần lớn đối tượng tham gia là sinh viên nữ với 85,05%. Tỷ lệ này phản ánh đặc trưng chung của ngành ĐD, nơi tỷ lệ nữ giới luôn chiếm ưu thế do đặc thù nghề nghiệp và xu hướng lựa chọn ngành học. Kết quả này hoàn toàn tương đồng với nghiên cứu của Chia-Hsin Cheng [2], trong đó sinh viên nữ chiếm 85,8%. Ngoài ra, nghiên cứu của Grinberg K và cộng sự cũng ghi nhận tỷ lệ nữ cao (82%) [6]. Sự nhất quán về giới tính trong các nghiên cứu trên toàn cầu cho thấy nghề ĐD vẫn mang đậm dấu ấn về giới tính, đồng thời đặt ra yêu cầu cần phân tích xem liệu giới tính có tạo ra sự khác biệt trong góc nhìn về hình ảnh ĐD hay không.

Về phân bố năm học, đối tượng tham gia trải đều từ năm 1 đến năm 4, trong đó đông nhất là năm 1 (32,35%) và giảm dần đến năm 4 (19,85%).

Về tín ngưỡng, phần lớn sinh viên trong nghiên cứu này không theo tôn giáo (62,51%), tiếp đến là Phật giáo (19,85%) và Thiên chúa giáo (15,69%). Kết quả này phản ánh đúng đặc điểm văn hóa, nhân khẩu học tại Việt Nam. Theo Tổng cục Thống kê (2019), người có tôn giáo chỉ chiếm 13,7% dân số [3], do đó việc sinh viên ĐD có tỷ lệ không theo đạo nào là hoàn toàn phù hợp. Đặc điểm này khác biệt rõ rệt với nghiên cứu của Dolly và cộng sự tại Ấn Độ (90% theo Ấn Độ giáo) [4] hay của Grinberg K và cộng sự tại Israel (63% theo đạo Do Thái) [6]. Điều này cho thấy hệ giá trị hình thành nhận thức của sinh viên tại Việt Nam ít bị chi phối bởi giáo lý tôn giáo mà chịu ảnh hưởng nhiều hơn từ môi trường giáo dục và thực tiễn xã hội.

4.3. Mức độ nhận thức về hình ảnh người ĐD

Kết quả đánh giá tổng quát cho thấy có đến 96,81% sinh viên có nhận thức tích cực về hình ảnh nghề nghiệp ĐD, chỉ 3,19% ở mức tiêu cực. Kết quả này vô cùng khả quan và tương đồng với nghiên cứu của Dolly và cộng sự (94,7% nhận thức tích cực) [4]. Bối cảnh sau đại dịch COVID-19 đã góp phần làm nổi bật vai trò trung tâm của người ĐD trong hệ thống chăm sóc sức khỏe. Hình ảnh những chiến binh áo trắng trực tiếp chăm sóc, hỗ trợ người bệnh đã tác động mạnh mẽ đến truyền thông và nhận thức của cộng đồng [5], đặc biệt là tiếp thêm niềm tự hào cho chính những sinh viên đang theo học ngành này.

4.4. Các yếu tố liên quan đến nhận thức về hình ảnh ĐD

Khác với một số nhận định cho rằng nhận thức không thay đổi qua các năm, kết quả của nghiên cứu này cho thấy điểm nhận thức có sự tăng tiến rõ rệt theo thời gian đào tạo (p < 0,001). Nhận thức của sinh viên không thay đổi đều đặn qua từng năm mà có tính giai đoạn. Cụ thể, không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa sinh viên năm 1 và năm 2, cũng như giữa năm 3 và năm 4 (p > 0,05). Tuy nhiên, điểm nhận thức của sinh viên năm 3, năm 4 lại cao hơn rệt so với sinh viên năm 1 (p < 0,01). Khi mới vào trường, nhận thức của sinh viên phần nhiều mang tính cảm tính. Kết quả này phản ánh đúng thực tiễn đào tạo y khoa. Hai năm đầu sinh viên chủ yếu học lý thuyết cơ sở và tiền lâm sàng, chưa có sự va chạm thực tế nên nhận thức chưa có sự đột phá. Bắt đầu từ năm 3 và năm 4, khi được

tiếp xúc sâu với các học phần chuyên ngành và trực tiếp thực hành tại môi trường lâm sàng, sinh viên thấu hiểu rõ hơn vai trò, năng lực và giá trị cốt lõi của nghề, từ đó hình thành một nhận thức về hình ảnh ĐD tích cực hơn.

Phân tích ANOVA cho thấy ấn tượng ban đầu có tác động cực kỳ mạnh mẽ tới nhận thức về hình ảnh ĐD ($F = 46,121$, $p < 0,001$). Nhóm sinh viên có ấn tượng tốt đạt điểm nhận thức cao vượt trội (170,18 điểm) so với nhóm chưa có ấn tượng (155,60 điểm) và ấn tượng không tốt (152,73 điểm). Kết quả cho thấy một góc nhìn thiện cảm từ ban đầu sẽ tạo ra cách nhìn nhận tích cực để sinh viên tiếp thu kiến thức và đánh giá tích cực về hình ảnh ĐD trong suốt quá trình học. Ngược lại, những sinh viên có trải nghiệm ban đầu mờ nhạt hoặc tiêu cực sẽ gặp nhiều rào cản tâm lý hơn. Kết quả này là minh chứng cho thấy sự cần thiết của công tác truyền thông một cách chuyên nghiệp về hình ảnh ĐD tới cộng đồng và học sinh phổ thông. Đây là một phát hiện rất có giá trị về mặt định hướng giáo dục. Các chiến dịch tuyển sinh và tuần sinh hoạt công dân đầu khóa không thể chỉ dừng ở việc cung cấp thông tin đơn thuần, mà phải truyền cảm hứng và xây dựng hình ảnh người ĐD chuyên nghiệp, tận tâm trong mắt tân sinh viên để nâng cao nhận thức về hình ảnh ĐD ngay từ ban đầu.

Về khả năng thích nghi cho thấy sự phân hóa nhận thức rõ nét nhất ($F = 62,145$, $p < 0,001$). Kiểm định Tukey HSD đối với biến khả năng thích nghi chia thành 3 nhóm độc lập hoàn toàn: khó thích nghi, thích nghi vừa phải và thích nghi tốt ($p < 0,001$). Khả năng thích nghi tốt giúp sinh viên dễ dàng vượt qua áp lực của những ca trực, những tình huống căng thẳng tại bệnh viện. Khi làm chủ được môi trường, họ tự tin hơn vào năng lực bản thân và nhìn nhận nghề nghiệp một cách tích cực. Ngược lại, nhóm khó thích nghi thường dễ rơi vào trạng thái chán nản, kiệt sức sớm, dẫn đến cái nhìn sai lệch hoặc tiêu cực về hình ảnh ĐD. Sự phân chia rõ nét này khẳng định mối quan hệ nhân quả hai chiều chặt chẽ giữa năng lực thích ứng cá nhân và nhận thức về hình ảnh ĐD. Kết quả này là một lời kêu gọi mạnh mẽ đến các nhà quản lý giáo dục cần phải tăng cường các hoạt động xây dựng kỹ năng mềm, kỹ năng làm việc nhóm, song hành cùng việc giảng dạy chuyên môn cho sinh viên giúp sinh viên dễ dàng thích nghi môi trường học tập, từ đó giúp nâng cao nhận thức về hình ảnh ĐD.

Về giới tính, không có sự khác biệt ý nghĩa về điểm nhận thức giữa sinh viên nam (163,74 điểm) và sinh viên nữ (162,14 điểm). Điều này phù hợp với kết quả từ nghiên cứu của Dolly và cộng sự [4], Jeong H.S và cộng sự [7]. Kết quả chứng minh rằng trong bối cảnh y tế hiện đại, ĐD không còn bị đóng khung là nghề của phái nữ. Quá trình đào tạo chuyên nghiệp đã giúp cả sinh viên nam và sinh viên nữ đều có các tiêu chuẩn năng lực, đạo đức và giá trị của người ĐD tương đương nhau, góp phần xóa bỏ định kiến về giới tính trong nhận thức về hình ảnh ĐD.

5. KẾT LUẬN

Phần lớn sinh viên tham gia nghiên cứu đều có nhận thức tích cực về hình ảnh của người ĐD. Tuy nhiên, mức độ

nhận thức có sự khác biệt rõ rệt dựa trên năm học, ấn tượng ban đầu và khả năng thích nghi với môi trường y tế. Kết quả nghiên cứu nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tăng cường truyền thông hướng nghiệp sớm cho sinh viên, lồng ghép các chương trình đào tạo hỗ trợ kỹ năng thích ứng ngay từ những năm đầu khóa nhằm củng cố lòng yêu nghề và xây dựng hình ảnh nghề nghiệp tích cực vững chắc cho sinh viên ngành ĐD.

6. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Báo Điện tử Chính phủ. Nhân lực nghề điều dưỡng vẫn đang rất thiếu, 2023. <https://baochinhphu.vn/nhan-luc-nghe-dieu-duong-van-dang-rat-thieu-102230511125133573.htm>
- [2] Cheng C.H. Perceptions of nursing image held by third and fourth-year baccalaureate nursing students and related factors. *Hu Li Za Zhi*, 2016, 63 (2), 91-102. doi: 10.6224/JN.63.2.91
- [3] Tổng cục Thống kê. Công bố kết quả chính thức và tổng kết tổng điều tra dân số, nhà ở năm 2019. Báo Điện tử Chính phủ, 2019. <https://baochinhphu.vn/cong-bo-ket-qua-chinh-thuc-va-tong-ket-tong-dieu-tra-dan-so-nha-o-nam-2019-102266014.htm>
- [4] Dolly, Krishnaveni R, Nair R, Monica M. Contemporary image of nursing profession: an explorative study of Bihar state. *International Journal of Community Medicine and Public Health*, 2023, 10 (5), 1796-1802. doi: 10.18203/2394-6040.ijcmph20231276
- [5] Fawaz M, Anshasi H, Samaha A. Nurses at the front line of COVID-19: Roles, responsibilities, risks, and rights. *The American Journal of Tropical Medicine and Hygiene*, 2020, 103 (4), 1341-1342. doi: 10.4269/ajtmh.20-0939
- [6] Grinberg K, Strauss E, Gonen A. What will keep nursing graduates in the long-term nursing care profession. *Australian Journal of Nursing Research*, 2020, 1 (4): 1-8.
- [7] Jeong H.S, Yoo Y.S. Image of nurses as perceived by nursing students and image determinants. *Journal of Korean Public Health Nursing*, 2010, 24 (1), 29-38.
- [8] Masih, S., & Gulzar, L. (2018). Association of nurses' self-perception about their public image and their job satisfaction in tertiary care hospitals, Karachi, Pakistan. *International Journal of Advanced Nursing Studies*, 7(1), 55-61.
- [9] McCarthy C, Boniol M, Daniels K, Cometto G, Diallo K, Lawani A.D. State of the world's nursing 2020: investing in education, jobs, and leadership. World Health Organization, 2020.
- [10] Tarhan M, Doğan P, Elibol E. Determining nurses' professional image perceptions: a descriptive cross-sectional study. *Süleyman Demirel Üniversitesi Sağlık Bilimleri Dergisi*, 2022, 13 (3), 382-392. doi: 10.22312/sdusbed.1102927